TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 466/2024/DS-PT
Ngày: 25/7/2024
V/v Tranh chấp chia tài sản chung và Thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Anh

Các thẩm phán: Ông Trương Chí Anh

Ông Phí Thành Chung

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hưng Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*:** Bà Nguyễn Thu Dung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 533/2023/TLPT-DS ngày 20/11/2023 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung và Thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 202/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 342/2024/QĐ-PT ngày 10/7/2024, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: **Cụ Hoàng Thị T**, sinh năm 1938; Địa chỉ: C, tổ A, Thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội.

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1967; Địa chỉ: tổ A, Thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội; Có mặt bà T1.

***Bị đơn**: 1. **Chị Nguyễn Diệu L**, sinh năm 1989

2. Chị Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: Tổ A, Thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội

Đại diện ủy quyền của chị L, chị H: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ I, Thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội; Có mặt anh T2.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1. **Bà Lê Thị V**, sinh năm 1978; Địa chỉ: Xóm N, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt và có đơn vắng mặt).

2. **Bảo hiểm xã hội huyện Đ**; Địa chỉ: Số H, đường C, xã U, huyện Đ, Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Minh C-Giám đốc; Đại diện theo ủy

quyền: Bà Nguyễn Thị Tố L1 - Tổ trưởng tổ chế độ BHXH (vắng mặt và có đơn vắng mặt).

3. **Ngân hàng TMCP Đ**; Trụ sở: C H, phường L, quận H, Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T3 - Chủ tịch HĐQT; Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T4-Giám đốc B1 Chi nhánh Đ1; Đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thu T5 - Cán bộ KHCN2 B1 Chi nhánh Đ1; Địa chỉ: D đường C, tổ D, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội (vắng mặt và có đơn vắng mặt).

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Diệu L và chị Nguyễn Thị Diệu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 05 tháng 10 năm 2022; Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 26 tháng 04 năm 2023 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trong vụ án là cụ Hoàng Thị T và người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống:

Ông Nguyễn Đình L2 là con đẻ của cụ Hoàng Thị T và cụ Nguyễn Đình T6, sinh năm 1934 (Đã chết ngày 06/09/1996).

Năm 1988, ông L2 kết hôn với bà Đinh Thị Kim D, sinh năm 1963. Ông bà có 02 con chung là chị Nguyễn Diệu L, sinh năm 1989 và chị Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1995. Ông L2 và bà D đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 38/2007/QĐST-HNGĐ ngày 30/07/2007 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Năm 2008, ông L2 kết hôn với bà Phạm Thị Thu H1, sinh năm 1974. Hai người không có con chung. Ông L2 và bà H1 đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2009/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2009 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Năm 2013, ông L2 kết hôn với bà Lê Thị V, sinh năm 1978. Hai người không có con chung. Ông L2 và bà V đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 15/2016/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội.

* Về tài sản tranh chấp:

Sau khi ông L2 và bà D ly hôn, do ông L2 nhường lại toàn bộ tài sản là ngôi nhà và thửa đất vợ chồng có tại Tổ A, thị trấn Đ cho mẹ con bà D còn ông L2 phải đi thuê nhà để ở, cụ T đã bán toàn bộ nhà đất của cụ và cụ T6 có tại: Xóm M, thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để lấy tiền mua thửa đất thửa số 121, tờ bản đồ số 62, diện tích 42,8m^2, tại: Số nhà C, Tổ A, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội của vợ chồng bà Phạm Thị T7, ông Bùi Kim T8 và cùng ông L2 làm ngôi nhà 03 tầng trên đất để ở cho đến nay. Ngày 31 tháng 08 năm 2009, Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ chứng thực cho ông Nguyễn Đình L2 nhận chuyển nhượng toàn bộ thửa đất theo Hợp đồng số 626/CNQSDĐ/2009 lập ngày 11 tháng 08 năm 2009 tại Văn phòng C trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số AL 699280 ngày 26 tháng 12 năm 2007 mang tên bà Phạm Thị T7 và ông Bùi Kim T8.

Năm 2014, trong thời gian chung sống với bà Lê Thị V, ông L2 và bà V có tài sản chung là chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 29S1- 420.72.

Năm 2019, Ông L2 có mua 01 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Yaris màu bạc, biển kiểm soát 30A- 667.35.

Khi còn sống ông L2 có tiền gửi trong tài khoản số 21410000709819 mở tại Ngân hàng TMCP Đ (B1) chi nhánh Đ1. Hiện nay số tiền trong tài khoản của ông L2 còn là: 2.010.206 đồng (Hai triệu, không trăm mười ngàn, hai trăm linh sáu đồng).

Ngày 27 tháng 07 năm 2022, ông L2 chết do bệnh tật. Việc mai táng do cụ T8 đứng ra tổ chức, chi phí. Các tài sản là nhà, đất, xe máy và ô tô đều do cụ T8 quản lý, sử dụng.

Sau khi ông L2 chết, cụ và các con ông L2 được hưởng chế độ trợ cấp mai táng phí và trợ cấp tuất một lần theo Bảo hiểm xã hội huyện Đ nhưng do các con của ông L2, bà D là chị H và chị L không cùng với cụ kê khai hồ sơ để nộp để nhận các chế độ trợ cấp nên trên nên đến nay chưa được Bảo hiểm xã hội huyện Đ giải quyết, chi trả. Số tiền trợ cấp được chi trả theo chế độ là 299.445.560 đồng, trong đó tiền trợ cấp mai táng phí là 14.900.000 đồng. Do cụ và các con ông L2 không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết đối với các tài sản trên nên cụ phải khởi kiện đến Toà án để giải quyết.

* Về quan điểm giải quyết: Do ông L2 không để lại di chúc về tài sản, cụ yêu cầu chia tài sản chung của cụ và ông L2 có là nhà, đất có tại số nhà C, Tổ A thị trấn Đ và chia thừa kế tài sản của ông L2 cho cụ và các con ông L2 cùng hưởng theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 25 tháng 06 năm 2023, Bản trình bày ý kiến ngày 08/7/2023, bị đơn trong vụ án là chị Nguyễn Diệu L và chị Nguyễn Thị Diệu H có nội dung:

Tại thời điểm bố của các chị là ông Nguyễn Đình L2 mắc bệnh nan y, ông L2 đã lập văn bản và truyền đạt lại cho các chị về mong muốn để lại toàn bộ di sản cho các chị sau khi mất đi nhưng bị các em gái ông L2 phản đối. Sau đó, ông L2 đã huỷ bỏ văn bản nói trên và nhắn lại cho các chị rằng: "Để bố thanh thản đi chữa bệnh, khi không chữa được nữa thì tài sản của hai con theo pháp luật.

Toàn bộ tài sản của ông Nguyễn Đình L2 để lại hiện đang do cụ Hoàng Thị T là mẹ đẻ ông L2 tạm thời quản lý, sử dụng. Các chị chưa hề có bất kỳ tác động nào tới tất cả phần di sản này. Nếu chia theo pháp luật, các chị xin chia bằng tiền. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh giải quyết và xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật về quyền thừa kế tài sản.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1/ Tại Bản tự khai và Đơn xin vắng mặt cùng ngày 15 tháng 05 năm 2023, bà Lê Thị V trình bày: Đối với tài sản là chiếc xe mô tô Yamaha Jupiter, biển

kiểm soát: 29S1-420.72 đăng ký sở hữu mang tên ông Nguyễn Đình L2. Bà tự nguyện để cho cụ Hoàng Thị T hưởng cả chiếc xe máy này và xin vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết vụ án. Bà từ chối tham gia các buổi làm việc do tòa án triệu tập, đề nghị tòa án không triệu tập bà nữa.

2/ Tại Văn bản số 608/BIDV.ĐHN-QLRR ngày 29 tháng 06 năm 2023, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh Đ1 gửi Toà án có nội dung: Số dư của tài khoản 21410000709819 theo Sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng của ông Nguyễn Đình L2 tính đến ngày 12 tháng 07 năm 2023 là 2.010.206 đồng (Hai triệu không trăm mười ngàn, hai trăm linh sáu đồng).

3/ Tại Văn bản số 52/BHXH ngày 26 tháng 07 năm 2023 của Bảo hiểm xã hội huyện Đ gửi Toà án có nội dung: Ông Nguyễn Đình L2, sinh năm 1960, là cán bộ hưu trí lĩnh lương tại Tổ A, thị trấn Đ đã chết ngày 27/07/2022. Số sổ BHXH: 0197032827. Số tiền trợ cấp mai táng phí và trợ cấp tuất một lần mà thân nhân của ông Nguyễn Đình L2 được hưởng theo quy định của pháp luật tạm tính là: 299.445.560 đồng (Trong đó gồm: Trợ cấp mai táng phí là: 14.900.000 đồng; Trợ cấp tuất một lần là: 284.545.560 đồng). Hiện tại, Bảo hiểm xã hội huyện Đ chưa giải quyết các chế độ trợ cấp trên cho thân nhân của ông Nguyễn Đình L2 là do thân nhân của ông Nguyễn Đình L2 chưa làm thủ tục hồ sơ gửi đến cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện Đ.

Tại phiên toà sơ thẩm: Nguyên đơn là cụ Hoàng Thị T do bà Nguyễn Thị T1 đại diện vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, quan điểm về việc giải quyết tranh chấp của cụ T như đã nêu trên. Bà T1 đề nghị giao cho cụ T tiếp tục sở hữu nhà, đất cụ đang ở và chiếc xe máy là vật kỷ niệm của gia đình; Giao cho chị L và chị H và ô tô cùng số tiền gửi tại ngân hàng và tiền các chế độ trợ cấp do Bảo hiểm xã hội huyện Đ chi trả. Cụ T thanh toán khoản tiền chênh lệch về tài sản cho chị L và chị H.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn gửi văn bản ý kiến có nội dung trình bày: Nhất trí với lời khai và quan điểm của cụ Hoàng Thị T và bà Nguyễn Thị T1 về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, thời điểm mở thừa kế của ông Nguyễn Đình L2 và về tài sản chung của cụ T, ông Nguyễn Đình L2 và di sản thừa kế của ông L2.

Đề nghị Toà án căn cứ vào quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Đất đai năm 2013, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của cụ Hoàng Thị T về chia tài sản chung, chia thừa kế tài sản của ông Nguyễn Đình L2 theo nguyện vọng của cụ T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 202/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã quyết định:

Căn cứ: - Các Điều: 5, 468, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 100 và Điều 203 Luật Đất đai 2013;

- Khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 227, khoản1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm a khoản 2, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

- Luật Thi hành án dân sự 2014.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về chia tài sản chung, chia thừa kế của cụ Hoàng Thị T đối với chị Nguyễn Diệu L và chị Nguyễn Thị Diệu H.

2. Xác định cụ Hoàng Thị T và ông Nguyễn Đình L2 có tài sản chung là quyền sử dụng 42,8m^2 đất ở và 130,2m^2 nhà có trong thửa đất số 121, tờ bản đồ số 62, thuộc địa chỉ: Số C, Tổ A, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội có trị giá tổng cộng là: 1.912.049.000đ (Một tỷ, chín trăm mười hai triệu, không trăm bố mươi chín ngàn đồng). Chia cho cụ Hoàng Thị T và ông Nguyễn Đình L2 mỗi người hưởng ½ là: 956.024.500đ (Chín trăm năm mươi sáu triệu, không trăm hai mươi tư ngàn năm trăm đồng).

3. Xác định ông Nguyễn Đình L2 và bà Lê Thị V có tài sản chung là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29S1-420.72 có trị giá 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng). Chia cho ông L2 và bà V mỗi người hưởng ½ là: 2.750.000đ (Hai triệu, bẩy trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà V tự nguyện cho cụ T hưởng phần tài sản của bà được chia.

5. Xác định ông Nguyễn Đình L2 có tài sản là: 01 xe ô tô Toyota Yaris biển kiểm soát: 30A- 667.35 trị giá 225.000.000đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) và 2.010.206đ (Hai triệu, không trăm mười ngàn, hai trăm linh sáu đồng) có trong tài khoản số 21410000709819 mở tại B1 chi nhánh Đ1.

6. Xác định khoản tiền trợ cấp mai táng phí l4.900.000đ (Mười bốn triệu, chín trăm ngàn đồng) là tài sản của cụ Hoàng Thị T.

7. Xác định khoản tiền trợ cấp tuất một lần 284.545.650đ (Hai trăm tám mươi tư triệu, năm trăm bốn mươi lăm ngàn, sáu trăm năm mươi đồng) là tài sản chung của cụ Hoàng Thị T, chị Nguyễn Diệu L và chị Nguyễn Thị Diệu H. Chia cho mỗi người hưởng 1/3 là: 94.848.550đ (Chín mươi tư triệu, tám trăm bốn mươi tám ngàn, năm trăm năm mươi đồng).

8. Ông Nguyễn Đình L2 có tài sản là:

+ ½ tài sản chung với cụ T: 956.024.500đ

+ ½ tài sản chung với bà V : 2.750.000đ

+ Tiền gửi tại B1 : 2.010.206đ

+ 01 xe ô tô Toyota Yaris : 225.000.000đ

Cộng: 1.185.784.706đ

(Một tỷ, một trăm tám mươi lăm triệu, bẩy trăm tám mươi tư ngàn, bẩy trăm linh sáu đồng). Chia cho hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông L2 gồm 03 người là: Cụ T, chị L và chị H với kỷ phần của mỗi người hưởng một phần bằng nhau là: 395.261.569 đồng.

9. Các bên được chia tài sản như sau:

9.1. Cụ Hoàng Thị T được chia tài sản là:

+ ½ tài sản chung với ông L2 : 956.024.500đ

+ Tài sản bà V cho : 2.750.000đ

+ Tiền trợ cấp mai táng phí : 14.900.000đ

+ 1/3 tiền trợ cấp tuất một lần : 94.848.550đ

+ 01 kỷ phần thừa kế của ông L2: 395.261.569đ

Cộng: 1.463.784.619đ

(Một tỷ, bốn trăm sáu mươi ba triệu, bẩy trăm tám mươi tư ngàn, sáu trăm mười chín đồng).

9.2. Chị Nguyễn Diệu L được chia tài sản là:

+ 01 kỷ phần thừa kế của ông L2: 395.261.568đ

+ 1/3 tiền trợ cấp tuất một lần : 94.848.550đ

Cộng : 490.110.119đ

(Bốn trăm chín mươi triệu, một trăm mười ngàn, một trăm mười chín đồng).

9.3. Chị Nguyễn Thị Diệu H được chia tài sản là:

+ 01 kỷ phần thừa kế của ông L2: 395.261.568đ

+ 1/3 tiền trợ cấp tuất một lần : 94.848.550đ

Cộng : 490.110.118đ

(Bốn trăm chín mươi triệu, một trăm mười ngàn, một trăm mười tám đồng).

10. Giao tài sản cho các bên như sau:

10.1. Giao cho cụ Hoàng Thị T sử dụng 42,8m^2 đất ở có trong thửa đất số 121, tờ bản đồ số 62, thuộc địa chỉ: Tổ A, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội trị giá 1.498.000.000đ (Một tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu đồng); Sở hữu 130,2m^2 nhà có trên đất được giao có trị giá 414.049.000đ (Bốn trăm mười bốn triệu, không trăm bốn mươi chín ngàn đồng) và chiếc xe máy Yamaha Jupiter, biển kiểm soát: 29S1-420.72 trị giá 5.500.000đ (Năm triệu, năm trăm ngàn đồng). Tổng cộng là: 1.917.549.000đ (Một tỷ, chín trăm mười bẩy triệu, năm trăm bốn mươi chín ngàn đồng). So với phần được chia thì quá 453.764.381đ (Bốn trăm năm mươi ba triệu, bẩy trăm sáu mươi tư ngàn, ba trăm tám mươi mốt đồng), cụ có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Diệu L và chị Nguyễn Thị Diệu H bằng tiền mặt.

10.2. Giao cho chị Nguyễn Diệu L sở hữu:

+ Tài sản do cụ Hoàng Thị T trả là 01 xe ô tô Toyota Yaris biển kiểm soát: 30A- 667.35 đăng ký mang tên ông Nguyễn Đình L2 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 607323 ngày 24 tháng 07 năm 2019 trị giá 225.000.000đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

+ Số tiền 2.010.206đ (Hai triệu, không trăm mười ngàn, hai trăm linh sáu đồng) của ông Nguyễn Đình L2 có trong tài khoản số 21410000709819 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ do B1 chi nhánh Đ1 chi trả.

+ Số tiền trợ cấp mai táng phí là 14.900.000đ (Mười bốn triệu, chín trăm ngàn đồng) do Bảo hiểm xã hội huyện Đ chi trả.

Tổng cộng là: 241.910.206đ (Hai trăm bốn mươi mốt triệu, chín trăm mười ngàn, hai trăm linh sáu đồng). So với phần chị được chia còn thiếu 248.199.913đ (Hai trăm bốn mươi tám triệu, một trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm mười ba đồng), chị được cụ Hoàng Thị T trả bằng tiền mặt.

10.3. Giao cho chị Nguyễn Thị Diệu H sở hữu 284.545.650đ (Hai trăm tám mươi tư triệu, năm trăm bốn mươi lăm ngàn, sáu trăm năm mươi đồng) tiền trợ cấp tuất một lần do Bảo hiểm xã hội huyện Đ chi trả. So với phần chị được chia còn thiếu 205.564.468đ (Hai trăm linh năm triệu, năm trăm sáu mươi tư ngàn, bốn trăm sáu mươi tám đồng), chị được cụ Hoàng Thị T trả bằng tiền mặt.

11**.** Cụ Hoàng Thị T có quyền tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với quyền sử dụng đất được chia theo quy định của pháp luật về đất đai.

12. Chị Nguyễn Diệu L và chị Nguyễn Thị Diệu H có quyền tự liên hệ với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (B1) chi nhánh Đ1 và Bảo hiểm xã hội huyện Đ để làm thủ tục nhận các khoản tiền được chia theo bản án.

13. Về án phí:

13.1. Cụ Hoàng Thị T phải nộp 47.573.500đ (Bốn mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi ba ngàn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng cụ thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí.

13.2. Chị Nguyễn Diệu L và chị Nguyễn Thị Diệu H mỗi người phải nộp 23.604.400đ (Hai mươi ba triệu, sáu trăm linh bốn ngàn, bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

14. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ đối với khoản tiền chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Diệu L và chị Nguyễn Thị Diệu H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 202/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh và yêu cầu:

- Xác định toàn bộ nhà 03 tầng và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 121, tờ bản đồ số 62, thuộc địa chỉ: Số C, Tổ A, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội là tài sản riêng của ông Nguyễn Đình L2 và chia di sản này theo quy định của pháp luật. Chị L và chị H đề nghị chia cho các chị được hưởng hiện vật chung và các chị sẽ thanh toán cho bà nội các chị (cụ Hoàng Thị T) bằng tiền. Nếu bà nội các chị không đi ở với các con gái bà thì các chị đồng ý để bà T ở lại nhà đất cho đến khi nào bà T có chỗ ở khác.

- Xe ô tô Toyota Yaris biển kiểm soát: 30A- 667.35 đăng ký mang tên ông Nguyễn Đình L2 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 607323 ngày 24 tháng 07 năm 2019 giao cho chị L.

- Tiền gửi ngân hàng, tiền mai táng phí tuyên chị L được hưởng cả gốc và lãi (nếu có).

- Miễn án phí và các loại phí.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm:

- Tại đơn đề nghị ngày 16/02/2024 của chị Nguyễn Thị T1 và bà Hoàng Thị T gửi tòa án có nội dung chính:

Nếu trường hợp sau phiên xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội mà số tiền chênh lệch phải trả đến 02 cháu Nguyễn Diệu L và Nguyễn Thị Diệu H lớn hơn số tiền mà TAND huyện Đông Anh đã giải quyết thì bà T không nhận lại căn nhà đang quản lý. Lý do: Tuổi bà cao không có đủ tiền để trả, vì số tiền tiết kiệm của bà đã cùng chung với con trai xây dựng ngôi nhà đang ở. Do vậy, bà T xin nhận bằng tiền mặt để có tiền dưỡng lão và thuê nhà để ở phần đời còn lại.

- Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/7/2024, cụ Hoàng Thị T và đại diện ủy quyền của cụ T là bà Nguyễn Thị Thanh x được vắng mặt tại các phiên tòa và trình bày: đồng ý với kết quả định giá của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh và không đề nghị định giá lại nhà đất tại số C, Tổ A, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Có mặt bà Nguyễn Thị T1 (là đại diện ủy quyền của cụ Hoàng Thị T), có mặt anh Nguyễn Văn T2 (là đại diện ủy quyền của chị Nguyễn Diệu L và chị Nguyễn Thị Diệu H); Bà Lê Thị V, Bảo hiểm xã hội huyện Đ, Ngân hàng TMCP Đ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn T2 là đại diện ủy quyền của chị Nguyễn Diệu L và Nguyễn Thị Diệu H trình bày quan điểm: vẫn giữ kháng cáo và có thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo như sau:

+Xác định toàn bộ nhà 03 tầng và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 121, tờ bản đồ số 62, thuộc địa chỉ: Số C, Tổ A, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà

Nội là tài sản riêng của ông Nguyễn Đình L2 và chia di sản này theo quy định của pháp luật cho cụ T, chị L, chị H là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L2. Chị L và chị H đề nghị chia cho các chị được hưởng hiện vật chung là toàn bộ nhà đất trên và các chị sẽ thanh toán cho bà nội các chị (cụ Hoàng Thị T) giá trị chênh lệch bằng tiền. Chị L, chị H đồng ý để cụ T ở lại nhà đất trên cho đến khi nào cụ T có chỗ ở khác.

+Xe ô tô Toyota Yaris biển kiểm soát: 30A- 667.35 đăng ký mang tên ông Nguyễn Đình L2 giao cho chị Nguyễn Thị Diệu H sở hữu. Chị H phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị L và cụ T.

+ Chị L và chị H đồng ý để cụ T sở hữu toàn bộ chiếc chiếc xe máy Yamaha Jupiter, biển kiểm soát: 29S1-420.72 đăng ký xe đứng tên ông Nguyễn Đình L2: 2.750.000 đồng, nhưng không phải thanh toán chênh lệch vì đây là vật kỷ niệm ông L2 để lại.

+ Đối với số tiền: 2.010.206 đồng có trong tài khoản số 21410000709819 của ông Nguyễn Đình L2 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ do B1 chi nhánh Đ1 được xác định là di sản thừa kế của ông L2 để lại. Chia theo giá trị: Bà T, chị L, chị H mỗi người được hưởng 1/3; Đối với khoản tiền trợ cấp tuất một lần 284.545.650 đồng (do bảo hiểm xã hội huyện Đ chi trả) xác định là tài sản chung của cụ Hoàng Thị T, chị Nguyễn Diệu L và chị Nguyễn Thị Diệu H. Cụ T, chị L, chị H mỗi người hưởng 1/3;

Đề nghị để cụ T hưởng cả số tiền tiết kiệm, tiền tuất và thanh toán chênh lệch cho chị H, chị L.

Đề nghị để cụ T hưởng cả số tiền lãi của số tiền 2.010.206 đồng có trong tài khoản số 21410000709819 của ông Nguyễn Đình L2 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ do B1 chi nhánh Đ1 và số tiền lãi của số tiền tuất hưởng một lần 284.545.650 đồng (nếu có).

+ Số tiền trợ cấp mai táng phí là 14.900.000 đồng do Bảo hiểm xã hội huyện Đ chi trả. Cụ T là người đứng ra lo mai táng cho con trai là ông L2 nên cụ T được hưởng số tiền này.

+ Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Diệu L, Nguyễn Thị Diệu H.

- Bà Nguyễn Thị T1 (là đại diện ủy quyền của cụ Hoàng Thị T) trình bày: Đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm số 202/2023/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh. Còn nếu trường hợp tòa án xác định lại số tiền chênh lệch phải trả 02 cháu Nguyễn Diệu L và Nguyễn Thị Diệu H lớn hơn số tiền mà Tòa án huyện Đông Anh đã giải quyết thì cụ T không nhận lại căn nhà đang quản lý và đồng ý để hai cháu L và H hưởng nhà đất tại thửa đất số 121, tờ bản đồ số 62, thuộc địa chỉ: Số C, Tổ A, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Cụ T xin nhận kỷ phần bằng tiền mặt. Số tiền trợ cấp mai táng phí là 14.900.000 đồng do Bảo hiểm xã hội huyện Đ chi trả. Cụ T là người đứng ra lo mai táng cho con trai là ông L2 nên cụ T được hưởng số tiền này.

Đối với số tiền: 2.010.206 đồng có trong tài khoản số 21410000709819 của ông Nguyễn Đình L2 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ do B1 chi

nhánh Đ1, đề nghị chia theo pháp luật; Đối với khoản tiền trợ cấp tuất một lần 284.545.650 đồng (do bảo hiểm xã hội huyện Đ chi trả) xác định là tài sản chung của cụ Hoàng Thị T, chị Nguyễn Diệu L và chị Nguyễn Thị Diệu H, đề nghị chia theo pháp luật; Xe ô tô Toyota Yaris biển kiểm soát: 30A- 667.35 đăng ký mang tên ông Nguyễn Đình L2, đề nghị chia theo pháp luật. Cụ T có nguyện vọng được hưởng tiền trợ cấp tuất 1 (một) lần đối với toàn bộ số tiền tuất do Bảo hiểm xã hội huyện Đ trả.

Bà Nguyễn Thị T1 hoàn toàn nhất trí với việc: Chị L và chị H tự nguyện đồng ý để cụ T sở hữu toàn bộ chiếc chiếc xe máy Yamaha Jupiter nhưng không phải thanh toán chênh lệch.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về giải quyết nội dung vụ án: Sau khi phân tích đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Diệu L, Nguyễn Thị Diệu H và sửa bản án dân sự sơ thẩm số 202/2023/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội như sau:

Xác định toàn bộ nhà 03 tầng và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 121, tờ bản đồ số 62, thuộc địa chỉ: Số C, Tổ A, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội là tài sản riêng của ông Nguyễn Đình L2 và chia thừa kế di sản này theo quy định của pháp luật. Giao toàn bộ nhà đất này cho chị L, chị H được sở hữu, sử dụng và thanh toán giá trị chênh lệch cho cụ T.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị L, chị H đồng ý để cụ T sở hữu toàn bộ chiếc chiếc xe máy Yamaha Jupiter, biển kiểm soát: 29S1-420.72 đăng ký xe đứng tên ông Nguyễn Đình L2, nhưng không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản.

Xe ô tô Toyota Yaris biển kiểm soát: 30A- 667.35 đăng ký mang tên ông Nguyễn Đình L2 giao cho chị Nguyễn Thị Diệu H sở hữu. Chị H phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị L và cụ T.

Đối với số tiền: 2.010.206 đồng có trong tài khoản số 21410000709819 của ông Nguyễn Đình L2 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ do B1 chi nhánh Đ1; Đối với khoản tiền trợ cấp tuất một lần 284.545.650 đồng xác định là tài sản chung của cụ Hoàng Thị T, chị Nguyễn Diệu L và chị Nguyễn Thị Diệu H, đề nghị chia theo pháp luật cụ T, chị L, chị H mỗi người hưởng 1/3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L, chị H để cụ T hưởng cả số tiền lãi của số tiền trong tài khoản nêu trên và số tiền lãi của số tiền tuất hưởng một lần (nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

*****Về thủ tục: Bị đơn chị Nguyễn Diệu L và Nguyễn Thị Diệu H kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận về hình thức.

*Xét kháng cáo của bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn cụ Hoàng Thị T khởi kiện bị đơn chị Nguyễn Diệu L và chị Nguyễn Thị Diệu H về tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản. Tài sản tranh chấp là nhà đất tại tổ A thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội và chị L, chị H cư trú tại tổ A thị trấn Đ, huyện Đ Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 38, điểm a,c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự bà Lê Thị V, Bảo hiểm xã hội huyện Đ, Ngân hàng TMCP Đ có đơn xin vắng mặt nên hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 10/7/2024, cụ Hoàng Thị T và bà Nguyễn Thị T1 có đơn đề nghị chấm dứt tư cách Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư Vũ Khắc H2 nên luật sư H2 không tham gia tố tụng với tư cách là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cụ T nữa.

[2].Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Diệu L, Nguyễn Thị Diệu H, hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống:

Ông Nguyễn Đình L2 có bố đẻ là cụ Nguyễn Đình T6, sinh năm 1934 (Đã chết ngày 06/09/1996); Mẹ đẻ là cụ Hoàng Thị T, sinh năm 1938, hiện đang ở địa chỉ: Số C, Tổ A, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Năm 1988, ông L2 kết hôn với bà Đinh Thị Kim D, sinh năm 1963. Ông bà có 02 con chung là chị Nguyễn Diệu L, sinh năm 1989 và chị Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1995. Ông L2 và bà D đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 38/2007/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 07 năm 2007 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Năm 2008, ông L2 kết hôn với bà Phạm Thị Thu H1, sinh năm 1974. Hai người không có con chung. Ông L2 và bà H1 đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2009/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2009 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Năm 2013, ông L2 kết hôn với bà Lê Thị V, sinh năm 1978 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ ngày 24/11/2013. Hai người không có con chung. Ông L2 và bà V đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 15/2016/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

[2.2]. Về thời điểm mở thừa kế, thời hiệu thừa kế, diện và hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Nguyễn Đình L2:

Ông Nguyễn Đình L2 chết ngày 27 tháng 07 năm 2022 theo Trích lục khai tử (Bản sao) số: 330/TLKT-BS ngày 28 tháng 07 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ; Số đăng ký: 82 ngày 28 tháng 07 năm 2022. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông L2 là ngày 27 tháng 07 năm 2022. Cụ Hoàng Thị T nộp đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Đông Anh ngày 13 tháng 10 năm 2022 là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo Trích lục khai tử (Bản sao) số: 128/TLKT-BS ngày 16 tháng 08 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn G; Số đăng ký: 20 quyển 01 ngày 06 tháng 09 năm 1996, cụ Nguyễn Đình T6 là bố đẻ ông L2 chết ngày 02 tháng 09 năm 1996 được xác định là chết trước ông L2 nên cụ không thuộc diện thừa kế của ông L2.

Bà Đinh Thị Kim D, bà Phạm Thị Thu H1 và bà Lê Thị V đều đã ly hôn ông L2 trước khi ông L2 chết nên không thuộc diện thừa kế của ông L2.

Căn cứ vào lời khai của cụ Hoàng Thị T, chị Nguyễn Diệu L, chị Thị Diệu H và xác minh tại địa phương đã xác định ông L2 chỉ có 02 con đẻ là chị Nguyễn Thị Diệu H, chị Nguyễn Diệu L và không có con nuôi. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Nguyễn Đình L2 gồm có 03 người là: Cụ Hoàng Thị T, chị Nguyễn Diệu L và chị Nguyễn Thị Diệu H.

Ông Nguyễn Đình L2 chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của ông L2 được chia cho cụ Hoàng Thị T, chị Nguyễn Diệu L và chị Nguyễn Thị Diệu H theo pháp luật, quy định tại các Điều 649, 650, 651 và 652 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3]. Về di sản thừa kế, về tài sản chung có tranh chấp và phân chia di sản, tài sản chung:

- Đối với quyền sử dụng 42,8m^2 đất trị giá 1.498.000.000 đồng và ngôi nhà 03 tầng tổng diện tích xây dựng 130,2m^2 trị giá 414.049.000 đồng trên thửa đất số 121, tờ bản đồ số 62, tại: Số nhà C, Tổ A (số cũ là tổ A), thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Phạm Thị T7 và chồng là ông Bùi Kim T8 do UBND huyện Đ cấp ngày 26/12/2007, đã sang tên cho ông Nguyễn Đình L2 ngày 31/8/2009 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 626/CNQSDĐ/2009 do Văn phòng C chứng thực ngày 11/8/2009. Vào thời điểm chuyển nhượng có nhà cấp 4 trên đất. Năm 2010, ông Nguyễn Đình L2 xây thành nhà 03 tầng như hiện nay.

(Theo biên bản định giá ngày 04/7/2023 đã xác định: Giá trị quyền sử dụng đất: 42,8m2 x 35.000.000 đồng/m2 = 1.498.000.000 đồng; Mặt bằng xây dựng thực tế 43,4m2. Tầng 1 và tầng 2 có giá trị xây dựng: (43,4m2 x 2) x 6.163.000 đồng/m2 x 70% = 374.463.880 đồng; Tầng 3 mái tôn khung sắt có giá trị xây dựng: 43,4m2 x 2.606.000 đồng/m2 x 35% = 39.585.140 đồng; Tổng giá trị xây dựng nhà: 374.463.880 đồng + 39.585.140 = 414.049.020 đồng). Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/7/2024, cụ Hoàng Thị T và đại diện ủy quyền

của cụ T là bà Nguyễn Thị T1 trình bày: đồng ý với kết quả định giá trên và không đề nghị định giá lại nhà đất tại số C, Tổ A, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết tại tòa án cấp phúc thẩm, chị Nguyễn Diệu L và Nguyễn Thị Diệu H cùng do anh Nguyễn Văn Triều đại d ủy quyền cũng không yêu cầu định giá lại nhà đất trên.

Căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 10/7/2024 tại tổ dân phố số 13 có nội dung chính: Ông Nguyễn Đình L2 là người nhận chuyển nhượng lại nhà đất tại số nhà C, Tổ A, thửa đất số 121, tờ bản đồ số 62, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội từ năm 2009 và năm 2010 ông L2 bỏ tiền xây thành nhà 03 tầng như hiện nay. Trước khi ông L2 mất vào 27/7/2022, thì cụ Hoàng Thị T chủ yếu là ở với các con gái là bà H3, bà O, bà T1 có vị trí gần nhà ông L2 trong vòng 100m. Từ khi ông L2 mất thì cụ T mới sang nhà ông L2 ở và trông nom, quản lý nhà đất. Ô tô và xe máy của ông L2 sử dụng lúc còn sống hiện vẫn để ở nhà ông L2 mà cụ T đang ở. Khi ông L2 còn sống thì tình cảm bố con giữa ông L2 và cháu L, H vẫn tốt. Các con vẫn thường xuyên sang thăm ông L2. Bản thân ông L2 vẫn quan tâm, chăm sóc cho các con và chu cấp về tài sản, vật chất cho các con. Ông L2 cũng lo đám cưới cho cháu Diệu L. Ông L2 còn cho con gái tiền đi chơi, du lịch bên Hàn Quốc. Ông L2 là người có điều kiện kinh tế. Khi còn công tác ông L2 là Trưởng khoa cấp cứu Bệnh viện Bắc Thăng L3 và là bác sỹ chính. Ông L2 có quan hệ tốt với bà con lối xóm, thường xuyên ủng hộ tiền bạc cho việc chung của địa phương nơi cư trú. Ông L2 từ khi ốm đến khi mất khoảng 02 tháng. Khi bắt đầu ốm thì ông L2 vẫn tự chăm sóc, đến khi ốm nặng và mất chỉ trong khoảng 01 tuần.

Căn cứ đơn xin xác nhận của chị Nguyễn Thị Diệu L4, Nguyễn Thị Diệu H ngày 18/6/2024, có xác nhận của ông Vũ Huy B (chủ nhà) và ông Trần Ngọc T9 là tổ trưởng tổ dân phố 16: Thời gian từ 2006 đến 2010, ông L2 có thuê nhà ông B để khám chữa bệnh. Sau khi xây nhà mới xong thì ông L2 không thuê nhà nữa mà khám chữa bệnh tại nhà mới của ông L2.

Tại bản tự khai ngày 12/12/2023 của chị Nguyễn Diệu L4 và Nguyễn Thị Diệu H có cùng nội dung chính: Về nguồn gốc tài sản tại Số nhà C, Tổ 13, thửa đất số 121, tờ bản đồ số 62, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội được hình thành như sau: Khi bố mẹ hai chị còn đoàn tụ thì bố hai chị có chức vụ tại K bệnh viện B2. Vào những lúc nghỉ, bổ hai chị có khám bệnh về thuê phòng khám nhà bác B-T5 để khám bệnh. Do ảnh hưởng của phong tục tập quán lạc hậu từ nhà nội khi bố mẹ hai chị không sinh được con trai dẫn đến bố mẹ hai chị phải chia tay. Sau khi ly hôn, bố hai chị ở lại phòng khám và kết hôn cùng cô H1 và ở tại phòng khám của bố hai chị. Do bố hai chị không có con nên họ đã chia tay. Sau đó bố hai chị mua được một gian tập thể ở khu tập thể vật tư đường sắt vào năm 2009. Khoảng 01 năm sau thì bố hai chị xây dựng ngôi nhà ba tầng hiện nay. Đến năm 2013, bố hai chị kết hôn với cô V và sinh sống trên ngôi nhà đó nhưng không có con chung và đến năm 2016 thì họ chia tay. Toàn bộ nhà đất là do bố hai chị có được từ lương làm bác sĩ và khám chữa bệnh ngoài giờ. Bà nội hai chị đã bán ngôi nhà tập thể ở Thái Nguyên trước đó khoảng 09 năm (2001) và ở cùng ba cô con gái. Ở Thái Nguyên, bà nội và cô H3 (cô Ú) ở hai gian nhà tập thể cạnh nhau. Sau đó cô H3 và bà T bán nhà để chuyển xuống Đ. Khi

chuyển xuống Đông A thì bà T ở cùng cô H3 tại căn nhà của cô H3 ở gần khu Đ. Sau này cô H3 mua đất xây nhà ở hiện tại, bà T vẫn ở cùng cô H3. Những năm sau đó, cô O và cô T1 mới lần lượt chuyển xuống Đông A mua đất xây nhà và bà T khi ở với cô này, khi ở với cô khác. Bà nội hai chị thỉnh thoảng có sang chơi và ở lại nhà bố hai chị. Do vậy, hai chị xác định nhà đất trên là tài sản riêng của bố hai chị, không liên quan đến bà nội hai chị và đề nghị chia theo đúng quy định của pháp luật.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2023 và bản tự khai ngày 10/5/2023, cụ Hoàng Thị T cũng xác định nhà 03 tầng và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 121, tờ bản đồ 62 diện tích 42,8m2 tại địa chỉ tổ A (nay là tổ A), thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội là di sản do ông Nguyễn Đình L2 để lại nhưng cụ T có công sức đóng góp, duy trì, tôn tạo nhà đất cùng ông L2. Trong hai văn bản này, cụ T không xác định nhà đất trên là tài sản chung của ông L2 và cụ T.

Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội cũng đã có Thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ số 295/2024/TB-TA ngày 10/7/2024 yêu cầu cụ Hoàng Thị T do bà Nguyễn Thị T1 đại diện ủy quyền cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cụ Hoàng Thị T có công sức đóng góp trong việc mua đất, xây nhà, công sức duy trì, tôn tạo nhà đất cùng ông L2 đối với nhà đất tại thửa đất số 121, tờ bản đồ 62 diện tích 42,8m2 tại địa chỉ tổ A (nay là số C tổ A), thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND Huyện Đ cấp ngày 26/12/2007 cho bà Phạm Thị T7 và ông Bùi Kim T8 đã sang tên cho ông Nguyễn Đình L2 ngày 31/8/2009 cho ông Nguyễn Đình L2 theo Hợp đồng số 626/CNQSDĐ/2009 do Văn phòng C chứng thực ngày 11/8/2009. Tuy nhiên, cụ T8 và bà T1 không cung cấp được tài liệu chứng cứ cho Tòa án theo thông báo này.

Từ những căn cứ trên, hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định nhà 03 tầng và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 121, tờ bản đồ 62 diện tích 42,8m2 tại địa chỉ tổ A (nay là số C tổ A), thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội là tài sản riêng của ông Nguyễn Đình L2 và là di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình L2. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà đất này là tài sản chung của cụ Hoàng Thị T và ông Nguyễn Đình L2 là không đúng, không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như đã phân tích.

Tổng giá trị di sản nhà đất tại thửa đất số 121, tờ bản đồ 62 diện tích 42,8m2 tại địa chỉ tổ A (nay là số C tổ A), thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội là: 1.912.049.000 đồng.

Chia theo giá trị: Cụ T, chị L4, chị H mỗi người được hưởng 1/3 giá trị nhà đất là: 637.349.667 đồng.

- Đối với 01 xe ô tô Toyota Yaris biển kiểm soát: 30A- 667.35 đăng ký mang tên ông Nguyễn Đình L2 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 607323 ngày 24 tháng 07 năm 2019 trị giá 225.000.000 đồng được xác định là di sản thừa kế của ông L2 để lại. Chia theo giá trị: Cụ T, chị L4, chị H mỗi người được hưởng 1/3 giá trị xe ô tô là: 75.000.000 đồng.

- Đối với số tiền: 2.010.206 đồng có trong tài khoản số 21410000709819 của ông Nguyễn Đình L2 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ do B1 chi

nhánh Đ1 được xác định là di sản thừa kế của ông L2 để lại. Chia theo giá trị: Cụ T, chị L4, chị H mỗi người được hưởng 1/3 số tiền là: 670.069 đồng.

- Đối với chiếc xe máy Yamaha Jupiter, biển kiểm soát: 29S1-420.72 (Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 043817 đứng tên ông Nguyễn Đình L2 do Công an huyện Đ cấp ngày 17/9/2014) trị giá 5.500.000 đồng là tài sản có trong thời kỳ hôn nhân của ông L2 và bà Lê Thị V. Tuy nhiên, theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 15/2016/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2016 giữa ông Nguyễn Đình L2 và bà Lê Thị V đã xác định: *"Về con chung: Anh, chị xác định không có con chung; Về tài sản: Về tài sản chung, công sức, nợ, nhà, đất ở, đất nông nghiệp: A, chị xác định không có".* Nên hội đồng xét xử phúc thẩm xác định đây là di sản thừa kế do ông L2 để lại.

Bà Lê Thị V, chị Nguyễn Diệu L4, chị Nguyễn Thị Diệu H cũng tự nguyện đồng ý để cụ Hoàng Thị T được hưởng cả chiếc xe máy này, nên được ghi nhận.

- Đối với khoản tiền trợ cấp tuất một lần 284.545.650 đồng (do bảo hiểm xã hội huyện Đ chi trả) xác định là tài sản chung của cụ Hoàng Thị T, chị Nguyễn Diệu L4 và chị Nguyễn Thị Diệu H. Cụ T, chị L4, chị H mỗi người hưởng 1/3 giá trị là: 94.848.550 đồng.

- Số tiền trợ cấp mai táng phí là 14.900.000 đồng do Bảo hiểm xã hội huyện Đ chi trả. Cụ T là người đứng ra lo mai táng cho con trai là ông L2 nên cụ T được hưởng số tiền này.

Như vậy, tổng giá trị di sản, tài sản các đương sự được hưởng tính theo giá trị là:

- Cụ T được hưởng di sản và tài sản chung là tiền tuất: 637.349.667 đồng + 75.000.000 đồng + 670.069 đồng + 94.848.550 đồng = 807.868.286 đồng; Cụ T được hưởng tiền mai táng phí, giá trị xe máy: 5.500.000 đồng + 14.900.000 đồng = 20.400.000 đồng

Tổng giá trị tài sản cụ T được hưởng:

807.868.286 đồng + 20.400.000 đồng = 828.268.286 đồng

- Tổng giá trị di sản, tài sản chị L4 được hưởng: 637.349.667 đồng + 75.000.000 đồng + 670.069 đồng + 94.848.550 đồng = 807.868.286 đồng.

- Tổng giá trị di sản, tài sản chị H được hưởng: 637.349.667 đồng + 75.000.000 đồng + 670.069 đồng + 94.848.550 đồng = 807.868.286 đồng.

[2.4]. Phân chia di sản, tài sản chung và thanh toán giá trị chênh lệch:

- Xét nguyện vọng của chị L4 và chị H được hưởng chung tài sản nhà đất là hiện vật: Kỷ phần nhà đất của chị L4 và chị H là 2/3 nhà đất; kỷ phần của cụ T là 1/3 nhà đất nên việc giao nhà đất cho chị L4, chị H sở hữu, sử dụng và thanh toán giá trị chênh lệch cho cụ T là phù hợp với cấu trúc nhà, với kích thước của thửa đất, với diện tích đất thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật. Xét nguyện vọng của nguyên đơn cụ T: trường hợp tòa án xác định lại số tiền chênh lệch phải trả 02 cháu Nguyễn Diệu L4 và Nguyễn Thị Diệu H lớn hơn số tiền mà Tòa án huyện Đông Anh đã giải quyết thì cụ T không nhận lại căn nhà đang

quản lý và đồng ý để hai cháu L4 và H hưởng nhà đất tại thửa đất số 121, tờ bản đồ số 62, thuộc địa chỉ: Số C, Tổ A, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội. Cụ T xin nhận kỷ phần bằng tiền mặt.

Do vậy, cần giao nhà 03 tầng và quyền sử dụng đất tại 337, Tổ 13, thửa đất số 121, tờ bản đồ số 62, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội để chị L4 và chị H được sở hữu, sử dụng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L4 để cụ T ở tại nhà 337, Tổ 13, thửa đất số 121, tờ bản đồ số 62, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội cho đến khi cụ T có chỗ ở mới.

Chị L4 phải thanh toán cho cụ T: 318.674.833 đồng

Chị H phải thanh toán cho cụ T: 318.674.833 đồng

Chị L4, chị H và cụ T có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên chị L4, chị H theo quyết định bản án và theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 xe ô tô Toyota Yaris biển kiểm soát: 30A- 667.35 đăng ký mang tên ông Nguyễn Đình L2 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 607323 ngày 24 tháng 07 năm 2019 trị giá 225.000.000 đồng. Do cụ T cao tuổi không sử dụng được xe và chị H có nguyện vọng được sử dụng ô tô nên chia cho chị L4 được hưởng xe ô tô.

Chị H phải thanh toán cho cụ T: 75.000.000 đồng

Chị H phải thanh toán cho chị L4: 75.000.000 đồng

- Đối với xe máy Yamaha Jupiter trị giá 5.500.000 đồng, số tiền 2.010.206 đồng có trong tài khoản số 21410000709819 của ông Nguyễn Đình L2 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ do B1 chi nhánh Đ1, khoản tiền trợ cấp tuất một lần 284.545.650 đồng (do bảo hiểm xã hội huyện Đ chi trả) và số tiền mai táng phí 14.900.000 đồng cần giao cho cụ T được hưởng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L4, chị H để cụ T sở hữu toàn bộ chiếc xe máy trên và không phải thanh toán giá trị chiếc xe máy. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L4, chị H (do anh Triều đại d ủy quyền) để cụ T hưởng cả số tiền lãi của số tiền có trong tài khoản và tiền tuất một lần (nếu có).

Cụ T phải thanh toán cho chị L4: (284.545.650 + 2.010.206) : 3 = 95.518.619 đồng.

Cụ T phải thanh toán cho chị H: (284.545.650 + 2.010.206) : 3 = 95.518.619 đồng.

Như vậy, sau khi đối trừ, các đương sự phải thanh toán cho nhau số tiền cụ thể như sau:

Chị L4 phải thanh toán trả cụ T số tiền là:

318.674.833 đồng – 95.518.619 đồng = 223.156.214 đồng

Chị H phải thanh toán trả cụ T số tiền là:

318.674.833 đồng +75.000.000 – 95.518.619 đồng = 298.156.214 đồng

Chị H phải thanh toán trả chị L4 số tiền là: 75.000.000 đồng

[2.5]. Về án phí: Cụ Hoàng Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Diệu L4 và chị Nguyễn Thị Diệu H không phải là đối tượng được miễn, giảm án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị L4 và chị H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:

(807.868.286 đồng – 800.000.000) x 3% +36.000.000 = 36.236.048 đồng

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Diệu L4, Nguyễn Thị Diệu H và sửa một phần bản án sơ thẩm như đã phân tích trên.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tại phiên tòa về cơ bản là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 26, 35, 38, 39, 147, 148, 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 210, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 653, 660 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Các Điều 3, 4, 66, 69 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

- Các Điều 100, 167, 170, 179 Luật đất đai năm 2013.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Diệu L4, Nguyễn Thị Diệu H. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 202/2023/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, chia thừa kế tài sản của cụ Hoàng Thị T đối với chị Nguyễn Diệu L4 và chị Nguyễn Thị Diệu H.

2. Xác định ông Nguyễn Đình L2 chết ngày 27/7/2022 và không để lại di chúc. Thời điểm mở thừa kế của ông Nguyễn Đình L2 là ngày 27/7/2022.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đình L2 là: Cụ Hoàng Thị T, chị Nguyễn Diệu L4, chị Nguyễn Thị Diệu H.

4. Xác định di sản của ông Nguyễn Đình L2 là:

- Nhà 03 tầng và quyền sử dụng đất 42,8m2 tại thửa đất số 121, tờ bản đồ 62, tổ A (nay là số C tổ A), thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Phạm Thị T7 và chồng là ông Bùi Kim T8 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 26/12/2007, đã sang tên cho ông Nguyễn Đình L2 ngày 31/8/2009 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 626/CNQSDĐ/2009, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C chứng thực ngày 11/8/2009; Tổng giá trị nhà đất là: 1.912.049.000 đồng (một tỷ, chín trăm mười hai triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

- Số tiền: 2.010.206 đồng (hai triệu, không trăm mười nghìn, hai trăm linh sáu đồng) có trong tài khoản số 21410000709819 của ông Nguyễn Đình L2 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh Đ1.

- 01 xe ô tô Toyota Yaris biển kiểm soát: 30A- 667.35; Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 607323 đứng tên ông Nguyễn Đình L2 do Công an Thành phố H cấp ngày 24 tháng 07 năm 2019; Có giá trị là: 225.000.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

- 01 xe máy Yamaha Jupiter biển kiểm soát: 29S1-420.72; Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 043817 đứng tên ông Nguyễn Đình L2 do Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 17/9/2014; Có giá trị là: 5.500.000 đồng (năm triệu, năm trăm nghìn đồng).

5. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự để cụ Hoàng Thị T được sở hữu xe máy Yamaha Jupiter biển kiểm soát: 29S1-420.72 (Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 043817 đứng tên ông Nguyễn Đình L2 do Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 17/9/2014).

6. Cụ Hoàng Thị T được hưởng toàn bộ số tiền mai táng phí 14.900.000 đồng (mười bốn triệu, chín trăm nghìn đồng) do Bảo hiểm xã hội huyện Đ chi trả.

7. Xác định khoản tiền trợ cấp tuất một lần 284.545.650 đồng (hai trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi đồng) do Bảo hiểm xã hội huyện Đ chi trả là tài sản chung của cụ Hoàng Thị T, chị Nguyễn Diệu L4 và chị Nguyễn Thị Diệu H.

8. Chia di sản, tài sản và thanh toán chênh lệch cụ thể như sau:

- Giao cho chị Nguyễn Diệu L4 và Nguyễn Thị Diệu H được quyền sở hữu toàn bộ nhà 03 tầng và quyền sử dụng đất 42,8m2 tại địa chỉ tổ A (nay là số C tổ A), thửa đất số 121, tờ bản đồ 62, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Phạm Thị T7 và chồng là ông Bùi Kim T8 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 26/12/2007, đã sang tên cho ông Nguyễn Đình L2 ngày 31/8/2009 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 626/CNQSDĐ/2009, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C chứng thực ngày 11/8/2009). Ghi nhận sự tự

nguyện của chị L4 và chị H để cụ Hoàng Thị T được ở nhà tại địa chỉ tổ A (nay là số C tổ A), thửa đất số 121, tờ bản đồ 62, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội cho đến khi cụ T có chỗ ở mới.

Chị Nguyễn Diệu L4, chị Nguyễn Thị Diệu H và cụ Hoàng Thị T có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên chị Nguyễn Diệu L4 và chị Nguyễn Thị Diệu H theo quyết định bản án và theo quy định của pháp luật.

- Giao cho chị Nguyễn Thị Diệu H được sở hữu 01 xe ô tô Toyota Yaris biển kiểm soát: 30A- 667.35; Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 607323 đứng tên ông Nguyễn Đình L2 do Công an Thành phố H cấp ngày 24 tháng 07 năm 2019. Cụ Hoàng Thị T có nghĩa vụ bàn giao 01 xe ô tô Toyota Yaris biển kiểm soát: 30A- 667.35, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 607323 đứng tên ông Nguyễn Đình L2 do Công an Thành phố H cấp ngày 24 tháng 07 năm 2019 (cùng các giấy tờ kèm theo xe nếu có) cho chị Nguyễn Thị Diệu H. Chị Nguyễn Thị Diệu H có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên xe ô tô Toyota Yaris biển kiểm soát: 30A- 667.35 theo quyết định bản án và theo quy định của pháp luật.

- Giao cho cụ Hoàng Thị T được sở hữu số tiền: 2.010.206 đồng (hai triệu, không trăm mười nghìn, hai trăm linh sáu đồng) có trong tài khoản số 21410000709819 của ông Nguyễn Đình L2 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh Đ1. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Diệu L4 và chị Nguyễn Thị Diệu H (do anh Nguyễn Văn Triều đại d ủy quyền) để cụ T hưởng cả số tiền lãi của số tiền có trong tài khoản số 21410000709819 của ông Nguyễn Đình L2 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh Đ1 (nếu có). Cụ Hoàng Thị T có quyền, nghĩa vụ đến Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh Đ1 để làm thủ tục nhận số tiền 2.010.206 đồng và tiền lãi (nếu có).

- Giao cho cụ Hoàng Thị T được sở hữu số tiền trợ cấp tuất một lần 284.545.650 đồng (hai trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi đồng) do Bảo hiểm xã hội huyện Đ chi trả. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Diệu L4 và chị Nguyễn Thị Diệu H (do anh Nguyễn Văn Triều đại d ủy quyền) để cụ T hưởng cả số tiền lãi của số tiền trợ cấp tuất một lần (nếu có).

Cụ Hoàng Thị T có quyền, nghĩa vụ đến Bảo hiểm xã hội huyện Đ để làm thủ tục nhận số tiền trợ cấp tuất một lần, tiền mai táng phí theo quyết định bản án và theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Diệu L4 phải thanh toán trả cụ Hoàng Thị T giá trị chênh lệch tài sản được hưởng: 223.156.214 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm mười bốn đồng).

- Chị Nguyễn Thị Diệu H phải thanh toán trả cụ Hoàng Thị T giá trị chênh lệch tài sản được hưởng: 298.156.214 đồng (hai trăm chín mươi tám triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm mười bốn đồng).

- Chị Nguyễn Thị Diệu H phải thanh toán trả chị Nguyễn Diệu L4 giá trị chênh lệch tài sản được hưởng: 75.000.000 đồng (bẩy mươi lăm triệu đồng).

9. Về án phí: Cụ Hoàng Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Diệu L4 và chị Nguyễn Thị Diệu H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 36.236.048 đồng (ba mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi tám đồng).

Chị Nguyễn Diệu L4, Nguyễn Thị Diệu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả chị Nguyễn Diệu L4 300.000 đồng và chị Nguyễn Thị Diệu H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số AA/2020/0045386 ngày 12/9/2023 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số AA/2020/0045387 ngày 12/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày cụ Hoàng Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Nguyễn Diệu L4, Nguyễn Thị Diệu H chưa thi hành thì chị Nguyễn Diệu L4, Nguyễn Thị Diệu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Kể từ ngày chị Nguyễn Diệu L4 có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Nguyễn Thị Diệu H chưa thi hành thì chị Nguyễn Thị Diệu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDTP Hà Nội;*
- *TAND huyện Đông Anh;*
- *Chi cục THADS huyện Đông Anh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu văn phòng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Tuấn Anh